

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN ĐAK ĐOÀ**
Số: 339/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Thị trấn Đak Đoa, ngày 05 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN ĐAK ĐOÀ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị trấn Đak Đoa về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách thị trấn Đak Đoa năm 2021;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách thị trấn Đak Đoa năm 2021. (Các biểu kèm theo).

Điều 2: Văn phòng UBND thị trấn Đak Đoa, Kế toán - Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy thị trấn;
- HĐND thị trấn;
- Các ban ngành đoàn thể thị trấn;
- Lưu VP-KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Thành

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2021

(Kèm theo QĐ số: 556/QĐ - UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022)
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	12.949.491.779	TỔNG SỐ CHI	9.897.919.552
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	444.798.638	I. Chi đầu tư phát triển	1.222.450.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	4.777.164.288	II. Chi thường xuyên	8.621.447.052
III. Thu bổ sung	5.256.099.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	
- Bổ sung cân đối	2.685.500.000		
- Bổ sung có mục tiêu	2.570.599.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	1.313.686.499	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	54.022.500
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	1.157.743.354		
Kết dư ngân sách	3.051.572.227		

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH THỊ TRẦN NĂM 2021

(Kèm theo QĐ số: 339/QĐ - UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022)

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
A	B						
	TỔNG THU	16.088.500.000	7.678.100.000	20.498.585.943	12.949.491.779	127,41	168,65
I	Các khoản thu 100%	493.000.000	493.000.000	446.450.638	444.798.638	90,56	90,22
	- Phí, lệ phí	245.000.000	245.000.000	245.300.000	245.300.000	100,12	100,12
	- Thu xử phạt ATGT	38.000.000	38.000.000	21.775.000	21.775.000	57,30	57,30
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	30.000.000	30.000.000	18.899.899	18.899.899	63,00	63,00
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	180.000.000	180.000.000	160.475.739	158.823.739	89,15	88,24
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	12.070.000.000	3.659.600.000	12.324.606.452	4.777.164.288	102,11	130,54
1	<i>Các khoản thu phân chia</i>	12.070.000.000	3.659.600.000	12.324.606.452	4.777.164.288	102,11	130,54
	- Thu tiền sử dụng đất	6.135.000.000		5.329.811.750		86,88	
	- Thuế thu nhập cá nhân	2.418.000.000	1.692.600.000	3.105.300.013	2.173.710.154	128,42	128,42
	- Thuế giá trị gia tăng	3.100.000.000	1.550.000.000	2.431.770.533	1.215.885.300	78,44	78,44
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	368.000.000	368.000.000	1.322.407.965	1.291.398.765	359,35	350,92
	- Thu khác và phạt các loại	49.000.000	49.000.000	125.038.948	90.003.722	255,18	183,68
	- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước			10.277.243	6.166.347		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			1.157.743.354	1.157.743.354		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			1.313.686.499	1.313.686.499		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.525.500.000	3.525.500.000	5.256.099.000	5.256.099.000	149,09	149,09
	- Thu bổ sung cân đối	3.058.500.000	3.058.500.000	2.685.500.000	2.685.500.000	87,80	87,80
	- Thu bổ sung có mục tiêu	467.000.000	467.000.000	2.570.599.000	2.570.599.000	550,45	550,45

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2021

(Kèm theo QĐ số: 339/QĐ - UBND ngày 5 tháng 8 năm 2022)

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12 2020	Giá trị đã thanh toán năm 2020			
					Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp				Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		2.396.309.000	1.053.909.000		2.276.359.000		1.222.450.000	831.387.000
1. Công trình chuyển tiếp								
-								
-								
Trong đó: Hoàn thành trong năm								
-								
-								
2. Công trình khởi công mới		2.396.309.000	1.053.909.000		2.276.359.000		1.222.450.000	831.387.000
Đường giao thông nông thôn TDP 2 (đường Cao Bá Quát)	2021	194.445.000	92.782.000		194.445.000		101.663.000	92.782.000
Đường giao thông nông thôn TDP 2 (đường Trần Bình Trọng)	2021	136.995.000	64.870.000		136.995.000		72.125.000	64.870.000
Đường GTNT TDP5	2021	136.995.000	64.870.000		136.995.000		72.125.000	64.870.000

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021

(Kèm theo QĐ số: 539/QĐ - UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022)

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
- Dịch vụ môi trường rừng	59.738.135	48.647.000		59.738.135	48.647.000	11.091.135
-						
-						
- ...						
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						
...						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi